TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THUỶ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2024/HS-ST
Ngày: 19 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đông Hà.

2. Bà Trần Thị Bé Ngọc.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thanh Điền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thuỷ, tỉnh Hậu Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thuỷ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà***: Ông Dương Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 47/2024/TLST-HS, ngày 05 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST-HS, ngày 07 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số 25/2024/HSST-QĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024, đối với:

Bị cáo: Ngô Thị Thùy T, sinh ngày 04 tháng 5 năm 1985; nơi sinh: huyện V, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: Ấp H, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Kinh doanh; chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn L và bà Liều Thị H; anh chị em ruột: 05 người; có chồng là Nguyễn Văn P và 03 người con (lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Đại diện tổ giám định: Ông Nguyễn Văn D - Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực I - Cục Thuế tỉnh H.

(Theo Quyết định uỷ quyền số 464/QĐ-CTHGA ngày 17/9/2024 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh H; có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Đỗ Minh Q tố giác Ngô Thị Thùy T, đã có hành vi "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" của ông Q với số tiền 10 tỷ đồng. Cụ thể: Ngô Thị Thùy T đã chiếm đoạt số tiền 08 tỷ đồng của Công ty M bằng hình thức ký kết hợp đồng phân phối hàng hóa sản phẩm mỹ phẩm MQ SKIN nhưng cố tình né tránh không thanh toán tiền khi đã nhận hàng theo đúng hợp đồng đã ký kết.

Năm 2021, Ngô Thị Thùy T lợi dụng lòng tin mượn tiền của bà Đoàn Thanh T1 (vợ của ông Đỗ Minh Q và là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty M) số tiền là 02 tỷ đồng. Sau đó bà Đoàn Thanh T1 nhiều lần yêu cầu Ngô Thị Thùy T trả tiền nhưng đến nay Ngô Thị Thùy T né tránh, cố tình không trả mà chiếm đoạt số tiền 02 tỷ đồng của bà Đoàn Thanh T1 cho mượn, mặc dù Ngô Thị Thùy T có điều kiện, khả năng để trả. T lập công ty mới nhái thương hiệu sản phẩm của Công ty M để bán ra thị trường, để khách hàng lầm tưởng với sản phẩm của công ty M và T lấy hàng của Công ty M số lượng lớn nhưng chỉ mua với tư cách cá nhân, không đưa vào Công ty nên nghi ngờ T kinh doanh có dấu hiệu vi phạm về thuế. Nên đại diện Công ty M làm đơn gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H tố cáo về hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, hàng giả và trốn thuế.

Căn cứ vào hồ sơ, thông tin, tài liệu thu thập được trong quá trình kiểm tra, xác minh Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H, xác định hành vi của Ngô Thị Thùy T không đủ yếu tố cấu thành tội phạm "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" được quy định tại Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội "Sản xuất, buôn bán hàng giả" được quy định tại Điều 192 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuy nhiên, căn cứ vào hồ sơ, thông tin, tài liệu thu thập được trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H, xác định hành vi của Ngô Thị Thùy T đủ yếu tố cấu thành tội "Trốn thuế" được quy định tại Điều 200 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xảy ra trên địa bàn huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Hậu Giang chứng minh được trong quá trình hoạt động kinh doanh bị can Ngô Thị

Thùy T mua bán hàng hóa với số lượng lớn và doanh thu rất cao. Nhưng kê khai, nộp thuế thấp; không kê khai nộp thuế. Cụ thể:

- Từ tháng 01/2021 đến tháng 01/2022 T hoạt động kinh doanh theo hình thức hộ kinh doanh và đứng tên đại diện hộ kinh doanh T4, địa chỉ: ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang, số giấy đăng ký kinh doanh 64B8003630 được Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện V, tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 27/02/2019; đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 04/5/2019 và có thực hiện nghĩa vụ kê khai, đăng nộp thuế theo hình thức thuế khoán doanh thu 240.000.000 đồng/năm; số tiền thuế nộp 300.000 đồng/tháng; tổng số tiền thuế đã nộp là 3.900.000 đồng. Nhưng thực tế trong giai đoạn này, T đã mua hàng hóa với Công ty M số lượng lớn và tổng số tiền là 23.143.376.000 đồng. T đã bán số lượng hàng hóa trên, thu về doanh thu bằng hình thức tiền mặt và chuyển khoản. Trong quá trình xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xác định được số doanh thu bằng hình thức trả tiền mặt do T không nhớ cụ thể; doanh thu xác định được bằng hình thức chuyển khoản là 19.161.786.345 đồng.

- Từ tháng 02/2022 đến ngày 13/6/2022 T đã gửi văn bản đến Chi Cục thuế khu vực A, thành phố V, tỉnh Hậu Giang thông báo dừng mã số thuế 8530318240 đã được Chi Cục thuế khu vực A đồng ý đóng mã số thuế trên và không thực hiện nghĩa vụ kê khai, đăng nộp thuế theo quy định. Nhưng thực tế trong giai đoạn này, T vẫn tiếp tục hoạt động kinh doanh và mua hàng hóa của Công ty M với tổng số tiền là 5.315.507.000 đồng. T đã bán số lượng hàng hóa trên, thu về doanh thu bằng hình thức tiền mặt và chuyển khoản. Trong quá trình xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xác định được số doanh thu bằng hình thức trả tiền mặt do T không nhớ cụ thể; doanh thu xác định được bằng hình thức chuyển khoản là 4.301.574.967 đồng.

- Từ ngày 14/6/2022 đến ngày 07/12/2022, bị cáo T thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn T5 (gọi tắt là Công ty T5) và đứng tên đại diện Công ty, địa chỉ: ấp H, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang; mã số thuế 6300353141 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh H cấp ngày 14/6/2022 và có thực hiện nghĩa vụ kê khai, đăng nộp thuế nhưng không phát sinh số tiền thuế phải nộp. Nhưng thực tế trong thời gian này, T đã mua hàng hóa của Công ty M với tổng số tiền là 23.729.144.599 đồng. T đã bán và trả lại số lượng hàng hóa trên, thu về doanh thu bằng hình thức tiền mặt và chuyển khoản. Trong quá trình xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xác định được số doanh thu bằng hình thức trả tiền mặt do T không nhớ cụ thể; doanh thu xác định được bằng hình thức chuyển khoản là 9.673.335.000 đồng;

- Từ ngày 08/12/2022 đến ngày 12/02/2023, bị cáo T đã gửi văn bản đến Chi Cục thuế khu vực A, thành phố V, tỉnh Hậu Giang thông báo đề nghị chấm

dứt hiệu lực mã số thuế 6300353141, đã được Chi Cục thuế Khu vực A đồng ý đóng mã số thuế trên và không thực hiện nghĩa vụ kê khai, đăng nộp thuế theo quy định. Nhưng thực tế trong giai đoạn này, T vẫn tiếp tục hoạt động kinh doanh và mua hàng hóa của Công ty M với tổng số tiền là 1.577.180.000 đồng. T đã bán số lượng hàng hóa trên, thu về doanh thu bằng hình thức tiền mặt và chuyển khoản. Trong quá trình xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xác định được số doanh thu bằng hình thức trả tiền mặt do T không nhớ cụ thể; doanh thu xác định được bằng hình thức chuyển khoản là 2.172.409.000 đồng.

- Từ ngày 13/02/2023 đến tháng 07/2023, bị cáo T đã gửi văn bản đến Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang để xin được phục hồi mã số thuế 6300353141 để Công ty T5 tiếp tục hoạt động. Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận, trao đổi với Chi Cục thuế Khu vực A, thành phố V, tỉnh Hậu Giang về việc phục hồi mã số thuế trên, đã được Chi Cục thuế khu vực A đồng ý. Trong giai đoạn này, T có thực hiện nghĩa vụ kê khai, đăng nộp thuế và số tiền thuế đã nộp là 8.820.000 đồng. Nhưng thực tế trong giai đoạn này, T đã mua hàng hóa của Công ty M với tổng số tiền là 331.000.000 đồng. T đã bán số lượng hàng hóa trên, thu về doanh thu bằng hình thức tiền mặt, công nợ của khách hàng và chuyển khoản. Trong quá trình xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xác định được số doanh thu bằng hình thức trả tiền mặt do T không nhớ cụ thể; doanh thu xác định được số tiền công nợ còn lại của 12 khách hàng là 8.540.000.000 đồng và bằng hình thức chuyển khoản là 2.575.543.999 đồng. Tổng số doanh thu xác định được là 11.115.543.999 đồng. Ngoài ra, T thuê Công ty TNHH N, địa chỉ: B đường L, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH S, địa chỉ: K, khu B, đường C, khu X, khu công nghiệp T mở rộng, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An gia công sản xuất mỹ phẩm với tổng số tiền là 168.014.000 đồng, T đã bán một phần sản phẩm mỹ phẩm này ra thị trường, thu về doanh thu là 45.155.000 đồng; số còn lại đang bị cơ quan chức năng tạm giữ. Như vậy, tổng số tiền mua hàng hóa đầu vào là 331.000.000 + 168.014.000 = 499.014.000 đồng; tổng số doanh thu từ kinh doanh hàng hóa là 11.115.543.999 + 45.155.000 = 11.160.698.999 đồng.

Ngày 19/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H ban hành Quyết định Trưng cầu giám định số 182/QĐ-CSKT gửi Cục Thuế tỉnh H để giám định thuế đối với hộ kinh doanh, Công ty do T đứng tên đại diện theo pháp luật. Kết quả: Ngày 31/10/2023 Cục thuế tỉnh H có Kết luận giám định nhưng Cục T chưa kết luận T có trốn thuế hay không.

Ngày 03/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H tiếp tục ban hành Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 04/QĐ-CSĐT gửi Cục Thuế tỉnh H để giám định số tiền thuế và hành vi của T có phải là hành vi trốn thuế

không. Kết quả: Ngày 16/11/2023, Cục Thuế tỉnh H có Kết luận giám định kết luận hành vi của T là hành vi trốn thuế. Tổng số tiền trốn thuế từ tháng 01/2021 đến tháng 7/2023 là 811.176.175 đồng (T2 trăm mười một triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn một trăm bảy mươi lăm đồng), trong đó: Số tiền trốn thuế của H1 kinh doanh do Ngô Thị Thùy T đứng tên là 351.950.417 đồng và số tiền trốn thuế của Công ty trách nhiệm hữu hạn T5 là 459.225.758 đồng.

Quá trình điều tra bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội và đồng ý với kết luận giám định ngày 16/11/2023 của Cục Thuế tỉnh H.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Ngô Thị Thùy T đã nộp số tiền 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu) đồng, khắc phục hậu quả.

Tại Bản cáo trạng số 30/CT-VKS-HVT, ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang đã truy tố bị cáo: Ngô Thị Thùy T về tội "Trốn thuế", theo điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017; sau đây gọi là: Bộ luật Hình sự).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến gì về Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang; bị cáo không có ý kiến gì về thủ tục tố tụng đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Ngô Thị Thùy T là đủ yếu tố cấu thành tội "Trốn thuế", sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ đã đề nghị Hội đồng xét xử;

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 200; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 150.000.000đ đến 200.000.000đ.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo nộp số tiền trốn thuế còn lại là 571.176.175đ vào Ngân sách Nhà nước.

Vật chứng của vụ án: Không có, nên không xử lý.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Đại diện tổ giám định không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã

được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện, đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục

[2.1] Vào ngày 26/7/2024, Hội đồng xét xử đã ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung các vấn đề: Yêu cầu giám định bổ sung bị cáo Ngô Thị Thùy T kinh doanh những mặt hàng không thiết yếu trong thời gian dịch bệnh Covid-19: Có thuộc đối tượng được miễn giảm thuế không (Theo Quyết định trưng cầu giám định số 182/QĐ-CSKT ngày 19/10/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh H); trường hợp sau khi được miễn giảm thuế, thì tổng số tiền bị cáo trốn thuế là bao nhiêu?. Theo Công văn số 35/VKS-HS ngày 31/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thuỷ, tỉnh Hậu Giang cho rằng: Ngày 16/11/2023, Cục Thuế tỉnh H có Kết luận giám định hành vi của Ngô Thị Thùy T là hành vi trốn thuế.... Như vậy, Cục Thuế tỉnh H giám định tính từ tháng 01/2021 đến tháng 7/2023 trong đó có thời gian dịch bệnh Covid-19. Do đó không cần giám định bổ sung. Và giữ nguyên Cáo trạng số 30/CT-VKT-HVT ngày 28/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thuỷ, tỉnh Hậu Giang.

[2.2] Ý kiến đại diện tổ giám định: Theo Công văn số 1460/CTHGA-NVDTPC ngày 18/9/2024 của Cục Thuế tỉnh H và tại phiên toà: Trong thời gian bà Ngô Thị Thùy T kinh doanh thì năm 2021 chịu tác động của dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và thuộc đối tượng được miễn thuế phát sinh phải nộp của các tháng trong quý III và quý IV năm 2021 (bao gồm: Thuế Giá trị gia tăng ”GTGT” và T3 Thu nhập cá nhân ”TNCN”; căn cứ khoản 3 Điều 2 Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ quy định về xác định số thuế được miễn, thì chưa có quy định miễn, giảm thuế đối với trường hợp do cơ quan chức năng phát hiện (Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh H). Đề nghị Toà án xem xét trên hồ sơ phát sinh và tình tiết thực tế để phán quyết.

[2.3] Theo Công văn số 240/CV ngày 11/9/2024 của Toà án nhân dân huyện Vị Thuỷ, tỉnh Hậu Giang đề nghị Cục Thuế tỉnh H trả lời cho Toà án được biết: (1) trường hợp của bị cáo Ngô Thị Thùy T có thuộc đối tượng được miễn giảm thuế hay không; (2) trường hợp sau khi được miễn giảm thuế thì số tiền trốn thuế của Ngô Thị Thùy T là bao nhiêu. Như tiểu mục [2.2] nêu trên, thì

Toà án không có thẩm quyền xác định số tiền thuế, cũng như số tiền miễn giảm thuế trong các tháng thuộc quý III và quý IV năm 2021 của bị cáo Ngô Thị Thùy T.

[2.4] Trước đó, Toà án đã ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung như nhận định tại các tiểu mục [2.1] và [2.3]; quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thống nhất số tiền trốn thuế 811.176.175 đồng theo bản Kết luận giám định không số ngày 16/11/2023 của Cục Thuế tỉnh H. Như phân tích tại các tiểu mục thuộc mục [2] nêu trên, do giới hạn của việc xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự để tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về tội danh: Bị cáo Ngô Thị Thùy T hoạt động kinh doanh theo hình thức hộ kinh doanh và đứng tên đại diện hộ kinh doanh T4, địa chỉ: ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang; sau đó bị cáo tiếp tục thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn T5 (gọi tắt là Công ty T5) và đứng tên đại diện Công ty; địa chỉ: ấp H, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Trong thời gian từ tháng 01/2021 đến 07/2023 bị cáo Ngô Thị Thùy T kinh doanh nhưng kê khai, nộp thuế thấp, không kê khai nộp thuế, không nộp đủ số tiền thuế theo quy định. Theo Kết luận giám định (không số) ngày 16/11/2023 của Cục thuế tỉnh H kết luận số tiền trốn thuế của bị cáo là 811.176.175 đồng (T2 trăm mười một triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn một trăm bảy mươi lăm đồng), trong đó: Số tiền trốn thuế của Hộ kinh doanh T4 là 351.950.417 đồng và số tiền trốn thuế của Công ty trách nhiệm hữu hạn T5 là 459.225.758 đồng.

[4] Theo khoản 1 Điều 200 Bộ luật Hình sự quy định thì: *"1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây... a) Không nộp hồ sơ đăng ký thuế; không nộp hồ sơ khai thuế; nộp hồ sơ khai thuế sau 90 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ khai thuế hoặc hết thời hạn gia hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định của pháp luật; b) Không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp; c) Không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ hoặc ghi giá trị trên hóa đơn bán hàng thấp hơn giá trị thanh toán thực tế của hàng hóa, dịch vụ đã bán; d) Sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm hoặc tăng số tiền thuế được khấu trừ, số tiền thuế được hoàn; đ) Sử dụng chứng từ, tài liệu không hợp pháp khác để xác định sai số tiền thuế phải nộp, số tiền thuế được hoàn;..."*. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc trốn thuế sẽ gây thất thu cho Ngân sách Nhà nước, không bình đẳng trong hoạt động kinh doanh, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước; do đó, buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hậu quả bị cáo đã gây ra.

[5] Theo điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật Hình sự thì: *"2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm: b) Số tiền trốn thuế từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;"*. Như vậy, với hành vi bị cáo đã thực hiện như nhận định tại mục [4] nêu trên; với hậu quả số tiền trốn thuế là 811.176.175 đồng; hành vi và hậu quả bị cáo đã gây ra là thoả mãn dấu hiệu quy định về tội "Trốn thuế" với tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật Hình sự; do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang truy tố bị cáo về tội "Trốn thuế" theo điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[6] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Tòa án căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

[7] Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã nộp số tiền tổng cộng 240.000.000đ để khắc phục một phần hậu quả; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trình độ văn hóa thấp nên nhận thức về pháp luật có phần hạn chế; bị cáo có nhiều hoạt động thiện nguyện tại địa phương và các địa bàn khác; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Theo kết luận giám định, tổng số tiền bị cáo trốn thuế là 811.176.175 đồng; quá trình điều tra bị cáo đã khắc phục hậu quả với số tiền là 240.000.000đ (theo Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số 0000072 ngày 11/01/2024 của Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh H2), còn lại 571.176.175đ. Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo phải tiếp tục nộp số tiền 571.176.175đ vào ngân sách Nhà nước.

[9] Vật chứng của vụ án: Không có, nên không xử lý.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định. Tại phiên toà, Kiểm sát viên đề xuất về hình phạt và hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

[11] Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Ngô Thị Thùy T phạm tội "Trốn thuế".

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 200; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 35, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 298, 329, 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Thị Thùy T 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

2. Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền trốn thuế tổng cộng: 811.176.175 đồng (T2 trăm mười một triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn một trăm bảy mươi lăm đồng).

Được trừ vào số tiền 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng) đã nộp, theo Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số 0000072 ngày 11/01/2024 của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần C - Chi nhánh H2.

Bị cáo còn phải tiếp tục nộp số tiền 571.176.175đ (Năm trăm bảy mươi mốt triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn một trăm bảy mươi lăm đồng) vào Ngân sách Nhà nước.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. *Vật chứng của vụ án*: Không có, nên không xử lý.

4. *Án phí hình sự sơ thẩm*: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14: Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Ngô Thị Thùy T phải nộp: 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

5. *Quyền kháng cáo*: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Hùng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang.
- VKSND tỉnh Hậu Giang.
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang.
- VKSND huyện Vị Thủy.
- CQ Điều tra huyện Vị Thuỷ;
- CQ THAHS huyện Vị Thuỷ;
- Bị cáo;
- UBND nơi bị cáo cư trú.
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy.
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.
- Cổng TTĐT (để công bố).